

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v “Ly hôn”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm N dân: Ông **Nguyễn Duy Khải**
Ông **Ninh Quốc Hòa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Duyên** – Thư ký Tòa án N dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Giáp** – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án N dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn N và gia đình thụ lý số 34/2023/TLST - HNGĐ ngày 01-3-2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 20-4-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐHPT-HNGĐ ngày 11-5-2023 giữa các đương sự.

*** Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị Kim H**, sinh năm 1992. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1990. Vắng mặt
Cùng địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Lê Thị Kim H trình bày:**

Về quan hệ hôn N: Bà và ông Phạm Ngọc T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước ngày 13/4/2011.

Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Nguyên N do thời gian chung sống khoảng 02 năm đầu vợ chồng không có con nên ông T thay đổi tính tình, cọc tính và không chí thú làm ăn mà sa vào các tệ nạn xã hội như bài bạc, chơi lô đề dẫn đến phải bán tài sản trong nhà để trả nợ. Sau đó vợ chồng bà có chữa hiếm muộn đến năm 2017 thì có con chung nhưng tính tình ông Trường vẫn không thay đổi. Bà khuyên nhủ thì bị ông T kiểm chuyện đe dọa và đánh đập, bà không báo chính quyền địa phương do là mâu thuẫn trong gia đình. Vợ chồng bà đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, mỗi người ở một nơi, không

quan tâm đến nhau nữa. Tình cảm vợ chồng giành cho nhau không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Ngọc Hiếu N – sinh ngày 06/3/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay, cháu ở với bố. Do đó nếu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T, bà đề nghị Tòa án giao con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Phạm Ngọc T trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, do ông T thường xuyên vắng nhà và người thân không đồng ý nhận giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác theo quy định pháp luật. Do ông T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của ông T.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn N và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Lê Thị Kim H được ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc T. Giao con chung là cháu Phạm Ngọc Hiếu N – sinh ngày 06/3/2017 cho ông T nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Lê Thị Kim H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc T theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn N và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Phạm Ngọc T có nơi cư trú tại thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Phú Riềng.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim H có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, bị đơn ông Phạm Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa 02 lần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn N:* Bà Lê Thị Kim H và ông Phạm Ngọc T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước ngày 22/3/2006. Việc kết hôn là đúng quy định

tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo kết quả xác minh tại địa phương, bà H và ông T đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không sống chung nhà với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Để xây dựng cuộc sống chung hạnh phúc thì vợ chồng phải cùng chung sống với nhau, cùng nhau làm ăn phát triển kinh tế gia đình và cùng nhau nuôi dạy, chăm sóc con cái (trừ những lý do khách quan như đi làm ăn xa...). Vợ chồng bà H và ông T vì mâu thuẫn gia đình nên đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân nhau đã tương đối dài nhưng vợ chồng không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn, chứng tỏ cả hai bên đều không có ý định hàn gắn với nhau nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Bà H và ông T có 01 con chung là Phạm Ngọc Hiếu N – sinh ngày 06/3/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày từ khi vợ chồng bà sống ly thân nhau đến nay, cháu N ở với bố và bà H đề nghị Tòa án giao con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì từ khi vợ chồng bà H, ông T sống ly thân nhau đến nay, cháu N do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai về quan điểm của ông T đối với việc nuôi dưỡng con chung nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cháu N đang có cuộc sống ổn định với ông T nên cần tiếp tục giao cháu N cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung*: Bà H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về nợ chung*: Bà H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Kim H được ly hôn với ông Phạm Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Ngọc Hiếu N – sinh ngày 06/3/2017 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2/ *Về án phí hôn N gia đình sơ thẩm:* Bà Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016046 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã B, huyện PR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải

